

Phụ lục XXIV
CHỈ TIÊU SỬ DỤNG ĐẤT TỈNH ĐỒNG THÁP THỜI KỲ 2021 - 2030
 (Kèm theo Quyết định số 39 /QĐ-TTg
 ngày 11 tháng 01 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)= (5)-(4)	(7)
I	Tổng diện tích tự nhiên		338.228	338.228	0	338.228
1	Đất nông nghiệp	NNP	277.049	268.438	-8.611	268.438
1.1	Đất trồng lúa	LUA	195.279	189.612	-5.667	189.612
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	195.279	189.612	-5.667	189.612
1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	48.174			45.238
1.3	Đất rừng phòng hộ	RPH	47	47	0	47
1.4	Đất rừng đặc dụng	RDD	7.313	7.313	0	7.313
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX	3.732	2.796	-936	2.796
	Trong đó: đất có rừng sản xuất là rừng tự nhiên	RSN				
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	61.179	69.790	8.611	69.790
2.1	Đất quốc phòng	CQP	500	545	45	545
2.2	Đất an ninh	CAN	884	1.115	231	945*
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	399	1.266	867	1.266
2.4	Đất cụm công nghiệp	SKN	380			1.138
2.5	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	229			1.296

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.6	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	635			1.017
2.7	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	1			1
2.8	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	22.216	24.789	2.573	24.789
-	Đất giao thông	DGT	8.819	11.446	2.627	11.446
-	Đất thủy lợi	DTL	11.463			10.392
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	94	202	108	202
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	91	139	48	139
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	634	1.004	370	1.004
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	90	183	93	183
-	Đất công trình năng lượng	DNL	51	177	126	177
-	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	8	10	2	10
-	Đất xây dựng kho dự trữ quốc gia	DKG		6	6	6
-	Đất cơ sở tôn giáo	TON	197			211
-	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	194			256
-	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	384	395	11	395
-	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	71	187	116	187

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
2.9	Đất danh lam thắng cảnh	DDL				
-	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH				38
-	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV				134
2.10	Đất ở tại nông thôn	ONT	13.424			14.434
2.11	Đất ở tại đô thị	ODT	2.161			3.652
2.12	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	239			289
2.13	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	20			28
2.14	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG	0			0
3	Đất chưa sử dụng	CSD				
II	Khu chức năng					
1	Đất khu công nghệ cao	KCN				
2	Đất khu kinh tế	KKT		31.936		31.936
3	Đất đô thị	KDT		26.008		26.008
4	Khu sản xuất nông nghiệp	KNN				234.959
5	Khu lâm nghiệp	KLN				10.156
6	Khu du lịch	KDL				2.402
7	Khu bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	KBT				7.313
8	Khu phát triển công nghiệp	KPC				2.404
9	Khu đô thị	DTC				26.008

TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích hiện trạng	Diện tích đến năm 2030 phân bổ theo Quyết định số 326/QĐ-TTg		Diện tích đến năm 2030 tính đề xuất theo nhu cầu phát triển
				Diện tích đến năm 2030	Chênh lệch so với hiện trạng	
10	Khu thương mại - dịch vụ	KTM				1.296
11	Khu dân cư nông thôn	DNT				15.575

Ghi chú:

- Việc triển khai khoanh vùng và sử dụng đất các dự án sau khi Quy hoạch tỉnh Đồng Tháp thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt phải bảo đảm phù hợp với chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 05 năm 2021 - 2025 đã được phân bổ cho tỉnh Đồng Tháp theo Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ và các quyết định điều chỉnh, bổ sung (nếu có) của cấp có thẩm quyền.

- Diện tích đất an ninh đến năm 2030 thực hiện theo Quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; trong quá trình triển khai thực hiện, chỉ tiêu đất quốc phòng, an ninh được điều chỉnh phù hợp với quy hoạch sử dụng đất quốc phòng, quy hoạch sử dụng đất an ninh.

- Trong quá trình thực hiện quy hoạch, căn cứ vào nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh, việc điều chỉnh các chỉ tiêu sử dụng đất thực hiện theo Quyết định của cấp có thẩm quyền.

(*) Cập nhật theo Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.